

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-02-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Diễm;

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông NVH; nơi cư trú: Số 123B A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Bà PTH; nơi cư trú: Số 123B A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn ông NVH có đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2020 yêu cầu Toà án giải quyết cho ông và bà PTH được ly hôn và trình bày:

Ông và bà PTH tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Sau đó ông và bà PTH có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 8 năm 1995. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Đến năm 2017 ông bà bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống

dẫn đến rạn nứt trong quan hệ vợ chồng, mặc dù ông bà đã được họ hàng hai bên động viên, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Ông đã một lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, nhưng sau đó được sự hòa giải của hai bên gia đình cũng như của các con, ông đã làm đơn xin rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020. Tuy nhiên sau khi rút đơn khởi kiện xin ly hôn, tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không tìm được tiếng nói chung. Đến nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, ông NVH làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn với bà PTH.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là: D, sinh ngày 10/9/1991 và E, sinh ngày 31/12/2003. Ly hôn ông đề nghị được nuôi con E cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con D đã trưởng thành, có gia đình và thu nhập riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà PTH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bà PTH đã trực tiếp nhận thông báo thụ lý vụ án, được sao chụp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà PTH thống nhất với ông NVH về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung giữa hai ông bà như ông NVH trình bày là đúng. Nay ông NVH có đơn xin ly hôn quan điểm của bà là không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn tình cảm với ông NVH, mặt khác bà muốn các con có đầy đủ cả cha lẫn mẹ nên bà đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Trường hợp Tòa xử cho ông bà ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được nuôi con E cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Con D đã trưởng thành, có gia đình và thu nhập riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông NVH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Ông NVH và bà PTH có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C và chung sống với nhau tại Số 123B A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Ông NVH và bà PTH có hai con chung là D, sinh năm 1991 và E, sinh năm 2003. Địa phương được biết ông NVH đang làm thủ tục xin ly hôn với bà PTH tại Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng nên đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa ông NVH giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông và bà PTH được ly hôn. Về con chung: đề nghị Tòa án giao con chung là E cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông bà tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con D đã trưởng thành, có gia đình và thu nhập riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ông NVH được ly hôn bà PTH. Về con chung: Giao con chung là E, sinh ngày 31/12/2003 cho ông NVH nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung do ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Con D đã trưởng thành, có gia đình và thu nhập riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 123B A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông NVH và bà PTH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi ông NVH, bà PTH cư trú thấy quá trình chung sống giữa ông NVH và bà PTH có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng từ đầu năm 2020 đến nay ông bà sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Ông PTH từng một lần làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng nhưng sau đó được sự động viên của gia đình và vì các con ông đã rút đơn khỏi kiện. Tuy nhiên sau khi rút đơn về tình cảm vợ chồng giữa ông và bà PTH không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông NVH và bà PTH là có thật. Bà PTH có nguyện vọng Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhận thấy mong muốn của bà PTH là chính đáng tuy nhiên hôn nhân là sự tự nguyện của hai vợ chồng, tình cảm phải xuất phát từ hai phía và cần phải xem xét đến nguyện vọng của ông NVH cũng như thực trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông NVH đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, ông không còn một chút tình cảm gì với bà PTH, thực tế là ông đã một lần làm đơn xin ly hôn bà PTH tại Tòa án, nhưng vì các con ông đã rút đơn để cho vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn, nhưng sau khi rút đơn tình cảm vợ chồng không hề tốt lên mà càng mâu thuẫn trầm trọng hơn, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Bà PTH mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không đưa ra được bất cứ phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, để ông NVH suy nghĩ lại và về chung sống với bà. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông NVH là cần thiết, đảm bảo quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho ông bà sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Ông NVH và bà PTH có 02 con chung là: D, sinh ngày 10/9/1991 và E, sinh ngày 31/12/2003. Ly hôn ông NVH đề nghị được nuôi con E

cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Con D đã trưởng thành, có gia đình và thu nhập riêng nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con ông NVH tự thỏa thuận với bà PTH và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà PTH cũng có quan điểm đề nghị được nuôi con E. Xét thấy, từ khi ông bà mâu thuẫn và sống ly thân, ông NVH là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, học hành và chôn ăn ở, sinh hoạt ổn định. Mặt khác nguyện vọng của cháu E nêu trong đơn đề nghị được ở với bố vì bố có điều kiện chăm sóc cháu tốt hơn. Nên việc giao con chung E cho ông NVH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của cháu Hường. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con E cho ông NVH trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do ông NVH và bà PTH tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Con D đã trưởng thành, có gia đình và thu nhập riêng nên ông NVH, bà PTH đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông NVH khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà PTH đã được Tòa án yêu cầu viết bản tự khai trình bày ý kiến về việc giải quyết tài sản chung nhưng bà PTH không đồng ý viết bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà PTH có mặt và trình bày ý kiến tài sản chung ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu ông NVH và bà PTH không tự giải quyết được về tài sản chung các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Ông NVH mặc dù là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tuy nhiên để được xem xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí thì theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông NVH phải làm đơn đề nghị kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh mình thuộc trường hợp được miễn giảm. Trong vụ án này ông NVH đã không làm đơn đề nghị xin miễn giảm án phí mặc dù đã được Tòa án thông báo về trường hợp được miễn, giảm án phí vì vậy ông NVH vẫn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông NVH được ly hôn bà PTH.

2. Về con chung: Giao con chung là: E, sinh ngày 31/12/2003 cho ông NVH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Con D đã thành niên, có gia đình và thu nhập riêng nên ông NVH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn ông NVH không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Bị đơn bà PTH mặc dù đã được Tòa án yêu cầu viết bản tự khai trình bày ý kiến về việc giải quyết tài sản chung nhưng bà PTH không đồng ý viết bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà PTH có mặt và trình bày ý kiến tài sản chung ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà PTH vắng mặt nên không có ý kiến. Như vậy các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu ông NVH và bà PTH không tự giải quyết được về tài sản chung các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Ông NVH phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010088, ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Ông NVH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, C;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Phương**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diễm-Đặng Thị Thu Hiền**

**Nguyễn Thị Minh Phương**